

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng 02 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định danh mục và mức thu tối đa các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo; cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục và mức thu tối đa các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục và mức thu tối đa các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn tỉnh, các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Danh mục, mức thu tối đa và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Danh mục, nội dung các khoản thu: Theo Phụ lục tại nghị quyết này.

2. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Cơ sở giáo dục công lập không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Nghị quyết này.

b) Thực hiện đúng nguyên tắc thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh và báo cáo cấp có thẩm quyền để quyết định mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết sau đây:

a) Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp (Cục KTVB&QLXPVPHC) (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

PHỤ LỤC

Quy định mức thu tối đa các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Danh mục, nội dung dịch vụ	Cấp học/ Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Đơn vị tính: Đồng)
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú			
1.1	Dịch vụ cung cấp bữa ăn (bao gồm: chi phí thực phẩm, vật tư, chất đốt, điện nước, thuê người nấu ăn, phục vụ các bữa ăn)	Mầm non, Tiểu học	01 học sinh/suất ăn (ăn sáng, ăn phụ)	15.000
			01 học sinh/suất ăn (ăn trưa)	30.000
		THCS, THPT, GDTX	01 học sinh/suất ăn (ăn sáng, ăn phụ)	20.000
			01 học sinh/suất ăn (ăn trưa)	35.000
1.2	Dịch vụ cung cấp nước uống	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	12.000
1.3	Dịch vụ bán trú (cung cấp đồ dùng phục vụ học sinh bán trú)	Trang bị lần đầu	01 học sinh/năm học	420.000
		Trang bị hằng năm, bổ sung hoặc thay thế do bị hỏng	01 học sinh/năm học	270.000
2	Dịch vụ đưa đón người học	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/km	6.500
3	Dịch vụ y tế học đường	Mầm non	01 học sinh/tháng	20.000
4	Dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/01 ngày	170.000
5	Dịch vụ thư viện	Phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	7.500
4	Dịch vụ công nghệ và học tập số	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	7.500
6	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tiết học	30.000
7	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ	Mầm non, Tiểu học, THCS	01 học sinh/giờ	12.000
8	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác			
8.1	Dịch vụ vệ sinh phục vụ cho học sinh	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	18.000

STT	Danh mục, nội dung dịch vụ	Cấp học/ Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (Đơn vị tính: Đồng)
8.2	Dịch vụ sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh (tiền điện, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa, bình nóng lạnh)	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	25.000
8.3	Dịch vụ phát triển năng lực học sinh theo môn học (ngoại ngữ, tin học, giáo dục stem, năng lực số...)	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tiết	27.000
		Môn ngoại ngữ Giáo viên người Việt Nam	01 học sinh/tiết	40.000
		Môn ngoại ngữ Giáo viên người Nước ngoài	01 học sinh/tiết	50.000
		Môn ngoại ngữ Giáo viên người bản ngữ	01 học sinh/tiết	60.000
8.4	Phát triển năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao.	Mầm non, phổ thông, GDTX	01 học sinh/tiết	60.000
8.5	Dịch vụ ký túc xá đối với các cơ sở giáo dục (trừ trường nội trú, bán trú) có tổ chức chỗ ở ký túc xá cho học sinh	Phổ thông, GDTX	01 học sinh/tháng	240.000
8.6	Học phẩm phục vụ thi, kiểm tra			
-	Phô tô đề kiểm tra định kỳ	Tiểu học, THCS, THPT, GDTX	01 học sinh/năm học	60.000
-	Tổ chức thi thử cho học sinh cuối cấp	Tiểu học, THCS, THPT, GDTX	01 học sinh/môn thi	50.000
9	Dịch vụ tuyển sinh các cấp học			
-	Thi tuyển vào lớp 10		01 học sinh/đợt thi	580.000
-	Phúc khảo thi tuyển sinh lớp 10		01 học sinh/môn thi	210.000
-	Thi tuyển sinh vào trường THPT chuyên Phan Bội Châu		01 học sinh/đợt thi	650.000
-	Xét tuyển các lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 6, lớp 10)		01 học sinh/đợt xét tuyển	45.000
-	Xét tuyển THCS có kiểm tra đánh giá năng lực đầu cấp (lớp 6)		01 học sinh/đợt xét tuyển	200.000